

Số: 05 /KH-DSKHHGD

Hung Yên, ngày 10 tháng 4 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2023

- Căn cứ Nghị quyết số 21- NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;
- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;
- Căn cứ Công văn số 207/TCDS-KHTC ngày 23/03/2023 của Tổng cục Dân số- KHHGD về việc định hướng thực hiện công tác dân số năm 2023;
- Căn cứ Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 07/6/2021 của UBND tỉnh về Thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam tỉnh Hưng Yên đến năm 2030;
- Căn cứ Kế hoạch số 504/KH-NVY ngày 07/4/2023 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về Thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2023.

## I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

### 1. Mục tiêu

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết 21-NQ/TW và Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 nhằm kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, chú trọng giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số.

### 2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

#### 2.1. Chỉ tiêu cơ bản

- Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh): 75,5 tuổi.
- Tỷ số giới tính khi sinh chung toàn tỉnh giảm 0,3 điểm phần trăm so với năm 2022.
- Mức giảm tỷ suất sinh thô: giảm 0,3 ‰ so với năm 2022.

#### 2.2. Chỉ tiêu chuyên môn

- Điều chỉnh mức sinh (+/-CBR): Tùy theo từng huyện, thị xã, thành phố mức giảm về tỷ suất sinh thô sẽ giảm từ 0,2-0,3‰ so với năm 2022.
- Chỉ tiêu Giảm tỷ số giới tính khi sinh (-SRB): Đối với các huyện, thị xã, thành phố mức giảm chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh sẽ tùy theo kết quả năm 2022 để giao mức giảm (theo bảng phụ lục đính kèm).

- Tổng số người mới sử dụng BPTT hiện đại trong năm 51.760 người.
- Tỷ lệ bà mẹ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh): 75%.
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh): 50%.
- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm: 85%.

## **II. CÁC HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**

### **1. Hoàn thiện thể chế, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

Tiếp tục xây dựng dự thảo trình Sở Y tế ban hành các kế hoạch thực hiện chương trình Dân số như: kế hoạch về thực hiện Đề án Truyền thông dân số đến năm 2030; kế hoạch về thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp đến năm 2030; kế hoạch về thực hiện Đề án điều chỉnh mức sinh giữa các vùng, đối tượng đến năm 2030; kế hoạch về thực hiện Đề án củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; kế hoạch về thực hiện Đề án tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; kế hoạch về thực hiện Đề án củng cố hệ thống thông tin thống kê chuyên ngành dân số đến năm 2030...

Triển khai thực hiện các Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

### **2. Thực hiện các Chương trình, đề án**

#### **2.1. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh**

Nhiệm vụ trọng tâm năm 2023:

Tiếp tục thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh trên phạm vi toàn tỉnh, tập trung nỗ lực, tạo chuyển biến rõ rệt về tỷ số giới tính khi sinh. Tăng cường truyền thông chuyển đổi hành vi, nâng cao nhận thức của người dân về nguyên nhân, hệ lụy của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh...

##### **2.1.1. Cấp tỉnh**

- Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh (MCBGTKS) năm 2023 trên cơ sở Kế hoạch số 108/KH-UBND.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động cụ thể và phối hợp với các ban, ngành liên quan tổ chức hội nghị, hội thảo; Xây dựng các phóng sự, chuyên mục, chuyên trang phản ánh các hoạt động tuyên truyền của chiến dịch tuyên truyền MCBGTKS; Tổ chức các đợt Chiến dịch, sự kiện truyền thông tập trung về giới và MCBGTKS.

- Phối hợp với Tỉnh Đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Liên đoàn lao động tỉnh, Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh, tổ chức hội nghị truyền thông cung cấp thông tin về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của vấn đề MCBGTKS.



- Phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố tổ chức hội nghị truyền thông, tư vấn về giới, bình đẳng giới, MCBGTKS đối tượng là cán bộ dân số, các ban, ngành, đoàn thể, người dân.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về tiếp tục giải pháp tuyên truyền sâu rộng, tìm giải pháp kiểm soát tình trạng MCBGTKS.

- Rà soát, bổ sung, xây dựng và triển khai các chính sách khuyến khích, hỗ trợ nâng cao vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

- Sản xuất, nhân bản và cung cấp sản phẩm truyền thông, tài liệu, tờ gấp tuyên truyền về MCBGTKS.

- Kiểm tra, giám sát chuyên môn việc thực hiện quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

### **2.1.2. Cấp huyện, xã**

- Căn cứ kế hoạch của tỉnh, xây dựng kế hoạch phù hợp với đặc điểm của địa phương, tập trung tuyên truyền về thực trạng, nguyên nhân, hệ lụy của tình trạng MCBGTKS tại địa bàn có tỷ số giới tính khi sinh cao, kiểm soát tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, tăng cường các hoạt động truyền thông, cung cấp thông tin về MCBGTKS cho lãnh đạo chính quyền, đoàn thể, những người có uy tín trong cộng đồng và người dân.

- Tổ chức nói chuyện chuyên đề tại các xã, phường, thị trấn: cung cấp thông tin về hậu quả của thực trạng MCBGTKS; vận động người dân từng bước làm chuyển đổi nhận thức và tư tưởng lạc hậu về sinh con trai, con gái.

- Phối hợp với Đài Phát thanh xã định kỳ phát tin, bài về thực trạng, hậu quả của MCBGTKS (duy trì mỗi tháng ít nhất 2-3 tin bài được phát).

- Lồng ghép các nội dung về can thiệp giảm thiểu MCBGTKS cho đối tượng học sinh trong nhà trường.

- Tiếp tục bổ sung nội dung can thiệp về giảm thiểu MCBGTKS vào hương ước, quy ước tại địa bàn như bình đẳng giới; không phân biệt vai trò con trai/con gái trong chăm sóc bố mẹ già, trong công việc gia đình/hộ tộc; không lựa chọn giới tính thai nhi.

### **2.2. Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng**

- Tham mưu với UBND tỉnh, Sở Y tế ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 theo Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và theo hướng dẫn tại công văn số 3369/BYT-TCDS ngày 19/6/2020 của Bộ Y tế.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến, tuyên truyền về lợi ích của việc sinh ít con hơn. Tập trung vận động không kết hôn và sinh con quá sớm, không sinh quá dày và không sinh nhiều con. Đối tượng chủ yếu: các cặp vợ chồng đã sinh hai



con và có ý định sinh thêm con. Khẩu hiệu: “Dừng ở hai con để nuôi, dạy cho tốt”.

- Tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình, tập trung cung cấp gói dịch vụ KHHGD, vận động cặp vợ chồng đã có hai con thực hiện các BPTT dài hạn.

- Hỗ trợ tư vấn, cung cấp dịch vụ hôn nhân và gia đình: Phát triển các câu lạc bộ kết bạn trăm năm, hỗ trợ nam, nữ thanh niên kết bạn; tư vấn sức khỏe trước khi kết hôn; khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi không kết hôn muộn và không sinh con sớm, phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi,...

- Bảo đảm miễn phí biện pháp tránh thai (BPTT) hiện đại cho tất cả người dân có nhu cầu tránh thai đang cư trú trên địa bàn tỉnh, tại cả khu vực thành thị và nông thôn; bao gồm cả các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, người đơn thân, vị thành niên, thanh niên, người tạm trú là cán bộ, công nhân, người lao động thuộc các cơ quan, xí nghiệp đóng trên địa bàn.

- Lựa chọn triển khai một số mô hình phù hợp can thiệp để không kết hôn và sinh con quá sớm, không sinh quá dày và không sinh nhiều con.

### **2.3. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình**

- Tham mưu với Sở Y tế ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 theo Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Rà soát, xây dựng các quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn về phương tiện tránh thai (PTTT), dịch vụ KHHGD; bổ sung chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân khi tham gia cung ứng dịch vụ KHHGD. Đánh giá, điều chỉnh các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGD thân thiện cho vị thành niên, thanh niên phù hợp trong tình hình mới.

- Bổ sung trang thiết bị, dụng cụ y tế và nâng cấp cơ sở vật chất kho bảo quản PTTT, mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD, ưu tiên địa bàn có mức sinh cao.

- Duy trì hệ thống thông tin quản lý hậu cần PTTT và cung cấp dịch vụ KHHGD (LMIS).

- Thực hiện các biện pháp thúc đẩy, linh hoạt trong cung cấp dịch vụ lâm sàng tại các cơ sở y tế và phi lâm sàng qua mạng lưới cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn. Huy động tối đa việc cấp phát PTTT phi lâm sàng tại nhà cho đối tượng có nhu cầu, bảo đảm người dân được tiếp cận các dịch vụ tránh thai trên địa bàn.

- Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGD thường xuyên; chiến dịch, khám lưu động tại cộng đồng, chú trọng gói khám phụ khoa, dự phòng vô sinh; đối tượng khó tiếp cận; địa bàn trọng điểm, khu công nghiệp, khu kinh tế.



- Triển khai các mô hình nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ KHHGD: hỗ trợ sinh sản; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh tại cộng đồng; dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp giảm phá thai.

- Xây dựng và triển khai các hoạt động của Đề án Tăng cường Tư vấn và cung ứng dịch vụ KHHGD cho vị thành niên, thanh niên trong tình hình mới nhằm giảm tỷ lệ có thai ngoài ý muốn, giảm phá thai, dự phòng vô sinh, cải thiện sức khỏe cho vị thành niên, thanh niên.

- Triển khai tiếp thị xã hội các PTTT và các hoạt động của Đề án 818 để tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp PTTT, hàng hóa dịch vụ KHHGD/SKSS theo Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ Y tế.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, người cung cấp dịch vụ.

#### **2.4. Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh**

Căn cứ vào Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030” và Hướng dẫn tại công văn số 7375/BYT-TCDS ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế. Chi cục Dân số - KHHGD tham mưu với Sở Y tế trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tại tỉnh Hưng Yên đến năm 2030. Năm 2023, chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tiếp tục triển khai các hoạt động.

- Năm 2023, tiếp tục thực hiện sàng lọc trước sinh (4 bệnh) theo Quyết định 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản.

- Truyền thông giáo dục chuyên đổi hành vi, đào tạo chuyên môn kỹ thuật về khám sàng lọc, trước sinh, sơ sinh, kỹ thuật lấy mẫu máu gót chân cho trẻ sơ sinh, đào tạo kỹ năng tư vấn cho cán bộ thực hiện Đề án tầm soát, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh. Đẩy mạnh hoạt động tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao sức khỏe, giảm bệnh, tật bẩm sinh của trẻ sơ sinh, nhất là bệnh, tật và tử vong có liên quan đến các yếu tố di truyền. Tiếp tục duy trì hoạt động sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh tại 161 xã. Các hoạt động triển khai.

- Hoạt động tầm soát, can thiệp sàng lọc trước sinh và sơ sinh được thực hiện tại các văn bản hướng dẫn: Quyết định 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.



- Phối hợp với bệnh viện Sản - Nhi tỉnh tổ chức tập huấn kỹ năng tuyên truyền, tư vấn và đào tạo kỹ thuật sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh cho cán bộ thực hiện kỹ thuật (cán bộ dân số, cộng tác viên và cán bộ y tế).

- Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố tổ chức Hội nghị truyền thông, tư vấn về lợi ích của tầm soát, phát hiện, điều trị tật, bệnh, bẩm sinh tại các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông cấp tỉnh, huyện, xã tổ chức các hoạt động phát thanh, truyền thông, xây dựng các chuyên mục, phóng sự... phản ánh các hoạt động của đề án.

- Truyền thông giáo dục, tư vấn tại cộng đồng cho phụ nữ có thai, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ về sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh.

- Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, làng, người cung cấp dịch vụ.

### **2.5. Hoạt động Tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân (THN)**

- Tiếp tục hỗ trợ duy trì hoạt động phối hợp tuyên truyền CSSK/THN, sinh hoạt CLB tại 63 xã /10 huyện, TP, TX đã triển khai; tổ chức sinh hoạt lồng ghép với nội dung tuyên truyền CSSK, sức khỏe tiền hôn nhân, chính sách DS-KHHGD, đề án nâng cao chất lượng dân số, phương tiện tránh thai xã hội hóa.... trong giai đoạn hiện nay, các hoạt động chủ yếu sau:

+ Tổ chức nói chuyện chuyên đề, tư vấn về lợi ích của khám sức khỏe trước khi kết hôn để phát hiện, phòng ngừa và hướng dẫn điều trị các bệnh lý có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe khi kết hôn. Tư vấn về kiến thức trong quá trình mang thai, sinh đẻ, nuôi con bằng sữa mẹ, các nguy cơ sinh con bị bệnh, tật bẩm sinh, góp phần từng bước nâng cao sức khỏe về thể chất, trí tuệ, tinh thần của vị thành niên, thanh niên.

+ Truyền thông giáo dục, mở rộng và đa dạng hóa các kênh cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/sức khỏe tình dục và sử dụng biện pháp tránh thai nhằm cải thiện tình trạng SKSS/KHHGD của VTN, thanh niên.

+ Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động và giáo dục về SKSS/KHHGD với hình thức phù hợp với từng địa phương, cung cấp thông tin cho nam, nữ thanh niên tại nơi đăng ký kết hôn. Phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng các chuyên mục, phóng sự phản ánh các hoạt động của mô hình truyền thông qua hệ thống PT-TH tỉnh, truyền thanh tại huyện, xã.



+ Tập trung tổ chức truyền thông, tư vấn chuyên biệt cho VTN, thanh niên tạo môi trường gia đình, xã hội thân thiện.

+ Tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông, tư vấn cho đội ngũ cán bộ dân số các cấp, cán bộ tư pháp xã, chủ nhiệm CLB và đào tạo bồi dưỡng cho người cung cấp dịch vụ.

+ Sản xuất, nhân bản và cung cấp sản phẩm truyền thông, tài liệu, tờ rơi tuyên truyền về các BPTT, chăm sóc SKSS vị thành niên, thanh niên; làm mẹ an toàn, nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

+ Duy trì hoạt động các câu lạc bộ tiền hôn nhân tại các xã.

## **2.6. Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (NCT)**

Triển khai có hiệu quả Đề án 7618/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế phê duyệt Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025; và Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về Kế hoạch thực hiện Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017-2025. Năm 2023 tiếp tục duy trì hoạt động cho 40 xã tại 10 huyện, thị xã, thành phố với các hoạt động chủ yếu sau:

- Triển khai xây dựng và duy trì hoạt động của các câu lạc bộ (CLB) chăm sóc sức khỏe NCT, CLB liên thế hệ, đội ngũ chăm sóc sức khỏe NCT tại gia đình nhằm nâng cao nhận thức và thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (CSSK NCT) của toàn xã hội; mở rộng đa dạng hóa các dịch vụ, phát triển thị trường dịch vụ CSSK NCT; cải thiện tình trạng sức khỏe cho người cao tuổi.

- Tăng cường truyền thông giáo dục thay đổi hành vi nâng cao nhận thức, tạo môi trường đồng thuận tham gia chăm sóc sức khỏe NCT trên các phương tiện thông tin đại chúng, Đài PT-TH tỉnh, đài truyền thanh huyện, xã; Xây dựng Pano, áp phích; Nhân bản tài liệu truyền thông sách, báo, tờ rơi, tờ gấp...

- Tổ chức truyền thông trực tiếp chăm sóc sức khỏe tinh thần thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề, tư vấn cộng đồng, sinh hoạt CLB hướng dẫn chăm sóc sức khỏe NCT và NCT tự chăm sóc; Tổ chức các sự kiện truyền thông, hội nghị, hội thảo, cuộc thi kêu gọi sự tham gia của NCT.

- Phối hợp với Hội người cao tuổi tuyên truyền về tình trạng già hóa dân số; vai trò của người cao tuổi trong công tác tuyên truyền, tư vấn vận động thực hiện các chính sách trong công tác dân số.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe NCT cho cán bộ y tế cơ sở, mạng lưới tình nguyện viên (TNV), chủ nhiệm CLB, cán bộ dân số và hội viên hội NCT cơ sở.

Y  
CỤC  
DÂN SỐ  
HUNG  
YÊN



- Tổ chức các đợt khám sức khỏe NCT tại trạm y tế xã phát hiện sàng lọc các bệnh thường gặp ở NCT và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe ban đầu cho NCT ở cộng đồng.

## **2.7. Truyền thông dân số**

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình truyền thông Dân số đến năm 2030; Quyết định số 2235/QĐ-BYT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ Y tế về Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình truyền thông Dân số đến năm 2030. Chi cục Dân số - KHHGD tham mưu với Sở Y tế xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số tỉnh Hưng Yên đến năm 2030. Công tác truyền thông dân số và phát triển năm 2023 tập trung vào các hoạt động sau:

- Thường xuyên cung cấp thông tin dưới nhiều hình thức về các vấn đề dân số trong tình hình mới đến cấp ủy đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp và người có uy tín trong cộng đồng thông qua hội nghị báo cáo viên của các cấp ủy đảng; các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống các trường chính trị - hành chính các cấp; hội nghị chuyên đề, hội thảo khoa học về lĩnh vực dân số; cung cấp tài liệu định kỳ nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ, cam kết mạnh hơn, ban hành chính sách, bổ sung nguồn lực.

- Truyền thông của các cơ quan truyền thông đại chúng: tập trung khai thác, phát triển lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại; phối hợp với đài phát thanh, truyền hình thường xuyên đưa tin về dân số và phát triển; xây dựng và phát sóng các chương trình chuyên về dân số và phát triển; thường xuyên cập nhật các thông tin dân số và phát triển lên fanpage, youtube, trang web; tham gia các cuộc thi tìm hiểu kiến thức về dân số và phát triển trên nền tảng mạng xã hội, Internet. Thường xuyên cập nhật và đưa tin các thông tin về dân số và phát triển trên đài phát thanh của các huyện, TP, thị xã, đài truyền thanh hiện có.

- Huy động các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tham gia truyền thông và giáo dục về dân số: hỗ trợ các ban ngành, đoàn thể, tổ chức các hội thảo, hội nghị, tập huấn, giao lưu, tọa đàm ... cho các nhóm đối tượng do các ban ngành, đoàn thể quản lý; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, tổ chức xây dựng và triển khai mô hình truyền thông phù hợp với đối tượng do ban ngành, đoàn thể quản lý, chú ý nhóm đặc thù như người di cư, người tàn tật, người cao tuổi, vùng khó khăn, ... ; phối hợp với ngành Giáo dục, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh triển khai việc đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống trong giới trẻ; định kỳ hàng quý tổ chức các buổi nói chuyện, thảo luận, sinh hoạt chuyên đề, thi tìm hiểu, giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao, giải trí cho thành viên, hội viên và nhân dân cư trú trên địa bàn xã/phường, địa bàn dân cư...; huy động những chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng, người nổi tiếng tích cực ủng hộ các hành vi có lợi về dân số và phát triển; lồng ghép nội dung



truyền thông vào sinh hoạt của cộng đồng, sinh hoạt văn hóa dân gian; đưa vào hương ước, quy ước của cộng đồng, vào tiêu chuẩn làng, ấp văn hóa, gia đình văn hóa; tổ chức các sự kiện truyền thông, gây ấn tượng mạnh, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia; tạo dư luận xã hội đồng thuận, ủng hộ việc xây dựng và thực hiện các hành vi có lợi và phê phán các hành vi vi phạm về chính sách dân số và phát triển.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông thường xuyên và lưu động đến các nhóm đối tượng khó tiếp cận như người lao động di cư, người tàn tật, người cao tuổi. Đặc biệt là kiến thức, hành vi và kỹ năng sống về tình dục, phá thai an toàn, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục kể cả HIV/AIDS.

- Cải tiến chương trình, nội dung giáo dục dân số, giới tính, bình đẳng giới, SKSS/KHHGD, chất lượng cuộc sống trong hệ thống giáo dục phổ thông được lồng ghép thông qua việc giáo dục ngoại khóa theo các chuyên đề cho học sinh của các trường phổ thông trung học, Trung học cơ sở.

- Cung cấp thông tin, cập nhật các nội dung dân số và phát triển vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống trường chính trị - hành chính các cấp; sản xuất và cung cấp các bản tin, tài liệu vận động về dân số và phát triển cho các cấp lãnh đạo (factsheet, sách mỏng, các báo cáo tổng hợp... sản xuất từ 3-4 loại/năm).

- Tổ chức hiệu quả các hoạt động truyền thông trực tiếp: tổ chức các cuộc mít tinh, cổ động, diễu hành, nói chuyện chuyên đề nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm của ngành dân số tại các cấp. Nội dung, chủ đề của các sự kiện; tổ chức tốt các chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ dân số; có ít nhất 01 cuộc/quý/địa bàn dân cư có lồng ghép nội dung dân số vào các cuộc họp, sinh hoạt văn nghệ, thể thao, giải trí của nhân dân tại khu dân cư, điểm dân cư; đưa chính sách dân số và phát triển vào hương ước, quy ước; duy trì và đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp của đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, làng khi đến thăm hộ gia đình.

- Khuyến khích các đơn vị truyền thông tham gia và mở rộng các hình thức truyền thông về dân số và phát triển: triển khai các hình thức truyền thông phù hợp với nhu cầu của các nhóm đối tượng; biên soạn và cung cấp tài liệu truyền thông để cung cấp cho các cơ sở tư vấn; phối hợp kiểm tra, hướng dẫn các trung tâm, điểm tư vấn tuân thủ đúng nguyên tắc, quy trình và kỹ năng tư vấn; bảo đảm nội dung tư vấn chính xác theo đúng các quy định.

- Mở rộng các hình thức giáo dục, truyền thông thân thiện, phù hợp với vị thành niên, thanh niên: hỗ trợ và phối hợp với ngành giáo dục, thanh niên, phụ nữ, công đoàn để tiếp tục duy trì hoặc triển khai các mô hình phù hợp; đào tạo nâng cao về kỹ năng làm việc với vị thành niên/thanh niên, kỹ năng tư vấn cho người cung cấp dịch vụ dân số, KHHGD/SKSS; sản xuất các sản phẩm truyền thông và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, giải trí phù hợp với vị thành niên/thanh niên.





- Nâng cao hiệu quả giáo dục dân số và phát triển: sửa đổi, bổ sung nội dung, hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo các chuyên đề về dân số và phát triển cho học sinh của các trường trung học cơ sở; trung học phổ thông; sửa đổi, bổ sung nội dung dân số và phát triển trong chương trình đào tạo của hệ thống trường chính trị, hành chính; các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, nghiệp vụ của các ngành, đoàn thể; tiếp tục lồng ghép nội dung giáo dục về giới, bình đẳng giới, MCBGTKS vào các trường chính trị, phổ thông; tổ chức các đợt trọng điểm, chiến dịch truyền thông giáo dục gắn với tư vấn và cung cấp dịch vụ cho học sinh tại các trường THCS, THPT.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ truyền thông: ít nhất 1 lần/năm cung cấp thông tin cập nhật về dân số và phát triển, chính sách, pháp luật; đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ truyền thông cho đội ngũ cán bộ truyền thông cấp huyện, cấp xã và ban, ngành, đoàn thể.

## **2.8. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số**

- Tiếp tục triển khai kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thực hiện Đề án Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành về dân số và phát triển các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Chú trọng đào tạo 100% cán bộ chuyên trách cấp xã để đạt chuẩn viên chức dân số (lớp dân số cơ bản trong 3 tháng).

- Hướng dẫn các địa phương lựa chọn, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cộng tác viên dân số sau khi HĐND thông qua Nghị quyết về quy định số lượng, mức phụ cấp cho cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố.

- Xây dựng dự thảo kế hoạch triển khai Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2021- 2030 theo Quyết định số 520/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và cộng tác viên dân số đáp ứng yêu cầu công tác dân số trong tình hình mới.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn đảm bảo 100% cộng tác viên dân số được tập huấn kiến thức về chủ trương chính sách về dân số, kỹ năng truyền thông vận động, quản lý đối tượng.

## **2.9. Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số**

- Xây dựng dự thảo kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 theo Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại công văn số 1544/BYT-TCDS ngày 11/3/2021 của Bộ Y tế trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt.



- Triển khai Thông tư số 01/2022/TT-BYT của Bộ Y tế về Quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

- Tiếp tục triển khai đổi Sở A0 theo hướng dẫn tại công văn số 673/TCDS-KHTC ngày 19/10/2021 của Tổng cục DS-KHHGD.

- Tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tham gia quản trị kho dữ liệu chuyên ngành dân số cho cán bộ dân số cấp huyện/xã, cộng tác viên.

- Rà soát, đề xuất xây dựng các quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan; bổ sung chính sách chế độ liên quan.

- Tiếp tục duy trì, vận hành hệ thống và hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp và gián tiếp cho: hệ thống tin quản lý chuyên ngành dân số (MIS) các cấp.

- Khai thác và cung cấp, chia sẻ thông tin số liệu và dữ liệu chuyên ngành dân số. Xây dựng các báo cáo chuyên đề.

- Nâng cao chất lượng số liệu thống kê chuyên ngành dân số.

### **3. Các nhiệm vụ khác**

#### **3.1. Thực hiện chính sách khuyến khích - thi đua khen thưởng**

- Triển khai Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế. Khuyến khích tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác dân số.

- Phát động phong trào thi đua, khen thưởng, động viên kịp thời đối với các đơn vị và cá nhân đạt kết quả công tác tốt.

#### **3.2. Kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành**

- Triển khai hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra chuyên ngành dân số.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, thanh tra chuyên ngành các vi phạm pháp luật về dân số; xử lý nghiêm các tổ chức cá nhân vi phạm. Kiểm tra, thanh tra chuyên ngành các cơ sở cung cấp dịch vụ liên quan.

- Kiểm tra, giám sát theo Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

- Kiểm tra, giám sát hỗ trợ thực hiện công tác dân số.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Từ nguồn ngân sách được giao của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh và Trung tâm Y tế các huyện, thành phố, thị xã năm 2023

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Chi cục Dân số - KHHGD**

Căn cứ vào các nhiệm vụ cụ thể đã được nêu chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí thời gian, địa điểm phù hợp, đồng thời phối hợp với Trung tâm Y tế cấp huyện và các đơn vị để tổ chức triển khai thực hiện.



## 2. Trung tâm Y tế các huyện, TP, TX và một số đơn vị liên quan

Đối với các huyện, thành, thị căn cứ chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ tình giao, xây dựng kế hoạch chi tiết tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động trên địa bàn, phân bổ kinh phí thực hiện chương trình dân số - KHHGD, phổ biến cơ chế, chế độ chính sách, các hoạt động cụ thể; chỉ đạo, tổ chức thực hiện toàn diện các hoạt động dân số - KHHGD trên địa bàn. Phối hợp các ban, ngành, đoàn thể tham gia thực hiện chương trình và báo cáo lãnh đạo địa phương đầu tư bổ sung kinh phí từ ngân sách để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác dân số - KHHGD trên địa bàn. Tăng cường các hoạt động chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn cho các đơn vị tuyên xã triển khai nhiệm vụ. Tổng hợp và gửi các báo cáo việc thực hiện các chỉ tiêu KHHGD về Chi cục Dân số - KHHGD theo quy định.

### Nơi nhận:

- Tổng cục DS-KHHGD (để báo cáo);
- Lãnh đạo Sở Y tế (để báo cáo);
- Phòng NVY, Sở Y tế;
- Lãnh đạo Chi cục Dân số - KHHGD;
- Các phòng chức năng Chi cục;
- Trung tâm Y tế các huyện, TP, TX;
- Lưu: VT.

**CHI CỤC TRƯỞNG**



**Phạm Văn Khởi**





SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
CHI CỤC DÂN SỐ  
KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

**CHỈ TIÊU DÂN SỐ-KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH NĂM 2023**  
(Kèm theo Kế hoạch số 05/KH-DSKHHGD ngày 10 tháng 4 năm 2023)

TT	Đơn Vị	Tuổi thọ trung bình	Mức giảm tỷ suất sinh thô (%)	Mức giảm chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh (điểm%)	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (%)	Số người mới thực hiện BPTT hiện đại	Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần trong năm (%)
1	Huyện Ân Thi	75.5	0.2	0.2	65	40	4,794	85
2	Huyện Kim Động	75.5	0.3	0.5	70	45	4,760	85
3	Huyện Khoái Châu	75.5	0.2	0.3	70	50	8,877	85
4	Huyện Mỹ Hào	75.5	0.3	0.2	75	55	3,034	85
5	Huyện Phù Cù	75.5	0.2	0.1	60	40	3,818	85
6	Huyện Tiên Lữ	75.5	0.3	0.1	60	45	4,648	85
7	Huyện Văn Giang	75.5	0.3	0.5	75	50	4,707	85
8	Huyện Văn Lâm	75.5	0.3	0.5	75	55	5,131	85
9	Huyện Yên Mỹ	75.5	0.3	0.5	70	55	6,785	85
10	Thành Phố Hưng Yên	75.5	0.2	1	70	55	5,206	85
<b>Toàn tỉnh</b>		<b>75.5</b>	<b>0.3</b>	<b>0.3</b>	<b>75</b>	<b>50</b>	<b>51,760</b>	<b>85</b>





SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
CHI CỤC DÂN SỐ  
KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

CHỈ TIÊU SỐ NGƯỜI MỚI THỰC HIỆN BIỆN PHÁP TRÁNH THAI HIỆN ĐẠI  
SỐ BÀ MẸ MANG THAI ĐƯỢC SÀNG LỌC TRƯỚC SINH; SỐ TRẺ MỚI SINH ĐƯỢC SÀNG LỌC SƠ SINH NĂM 2023  
(Kèm theo Kế hoạch số 05 /KH-DSKHHGD ngày 10 tháng 4 năm 2023)

TT	Đơn vị	Tổng số mới thực hiện BPTT	Triệt sản		Dụng cụ tử cung		Thuốc cấy tránh thai		Thuốc tiêm tránh thai		Viên uống tránh thai		Bao cao su		Sàng lọc trước sinh		Sàng lọc sơ sinh	
			Nam	Nữ	Tổng số	TĐ. Miễn phí	Tổng số	TĐ. Miễn phí	Tổng số	TĐ. Miễn phí	Tổng số	TĐ. Miễn phí	Tổng số	TĐ. Miễn phí	Tổng số	TĐ. Miễn phí	Tổng số	TĐ. Miễn phí
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TOÀN TỈNH	51,760	11	59	11,950	11,950	200	200	450	450	20,610	20,610	18,480	18,480	7,410	225	8,772	235
1	TP Hưng Yên	5,206	1	5	1,096	1,096	18	18	40	40	2,116	2,116	1,930	1,930	323	14	526	14
2	Huyện Tiên Lữ	4,648	1	4	966	966	16	16	35	35	1,881	1,881	1,745	1,745	498	12	454	15
3	Huyện Phù Cừ	3,818	1	4	786	786	14	14	32	32	1,421	1,421	1,560	1,560	312	9	465	9
4	Huyện Kim Động	4,760	1	5	1,026	1,026	18	18	41	41	1,996	1,996	1,673	1,673	450	11	540	11
5	Huyện Ân Thi	4,794	1	8	1,026	1,026	22	22	42	42	1,871	1,871	1,824	1,824	568	18	720	16
6	Huyện Khoái Châu	8,877	2	11	2,286	2,286	34	34	68	68	3,570	3,570	2,906	2,906	526	25	1,118	21
7	Huyện Yên Mỹ	6,785	1	6	1,646	1,646	24	24	52	52	2,652	2,652	2,404	2,404	770	12	969	12
8	Huyện Mỹ Hào	3,034	1	5	886	886	18	18	53	53	1,169	1,169	902	902	550	12	573	12
9	Huyện Văn Lâm	5,131	1	6	1,186	1,186	19	19	45	45	2,040	2,040	1,834	1,834	485	15	653	15
10	Huyện Văn Giang	4,707	1	5	1,046	1,046	17	17	42	42	1,894	1,894	1,702	1,702	448	11	414	15
11	BV Sản Nhi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,480	86	2,340	95